

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Báo cáo tài chính Quý IV/2022



## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị</b>	2 - 5
<b>2. Báo cáo tài chính Quý IV/2022</b>	
- Bảng cân đối kế toán Quý IV/2022	6 - 7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý IV/2022	8 - 9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý IV/2022	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính Quý IV/2022	11 - 35

# CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quý IV/2022

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính Quý IV/2022 cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2022 và kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Công ty.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/03/2012 với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 27.748.000.000 đồng, tương ứng với 2.774.800 cổ phần. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 10/06/2022, với số vốn điều lệ là 518.749.980.000 đồng, tương ứng với 51.874.998 cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại: số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

### 2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Hoàng Tuyên	Chủ tịch
- Ông Lê Xuân Tân	Phó chủ tịch
- Ông Nguyễn Văn Thủy	Thành viên
- Ông Nguyễn Xuân Đôn	Thành viên
- Ông Vũ Hồng Minh	Thành viên
- Ông Trần Thiện Sách	Thành viên
- Ông Lý Thái Hải	Thành viên (i) (Từ ngày 20/05/2022)

(i) Được bầu bổ sung vào HĐQT tại kỳ đại hội cổ đông thường niên năm 2022 theo Nghị quyết số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2022.

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính Quý IV/2022 này bao gồm các vị như sau:

#### Ban Tổng Giám đốc:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Xuân Tân	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Thủy	Phó Tổng giám đốc
- Ông Trần Thiện Sách	Phó Tổng giám đốc (ii) Từ ngày 26/01/2022
- Ông Đào Mạnh Duy	Phó Tổng giám đốc
- Bà Cao Thị Hồng	Giám đốc Nhân sự - Marketing
- Bà Lê Thị Thúy An	Giám đốc Tài chính
- Ông Nguyễn Hữu Điệp	Phó Tổng giám đốc (iii) Từ ngày 07/03/2022

# CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quý IV/2022

(ii) Theo quyết định số 09/2022/QĐ-HĐQT ngày 26/01/2022 về việc tăng cường nhân sự của Ban giám đốc Công ty và bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc phụ trách mảng Dự án - Dược - Vật tư - Thiết bị Y tế.

(iii) Theo quyết định số 13/2022/QĐ-HĐQT ngày 07/03/2022 về việc tăng cường nhân sự của Ban giám đốc Công ty và bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc phụ trách mảng Kinh tế và Đầu tư.

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính Quý IV/2022 này bao gồm:

### Ban kiểm soát:

Họ và tên:

Chức vụ:

- |                      |                                  |     |
|----------------------|----------------------------------|-----|
| - Ông Vũ Văn Thành   | Trưởng Ban Kiểm soát             |     |
| - Bà Lê Thị Hảo      | Thành viên                       |     |
| - Bà Lê Thị Ánh Hằng | Thành viên (từ ngày 20/05/2022)  | (i) |
| - Ông Hoàng Thắng    | Thành viên (đến ngày 20/05/2022) | (i) |

(i): Theo Nghị quyết số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2022 của Đại hội đồng cổ đông.

### Người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ tài chính và cho đến ngày lập báo cáo tài chính Quý IV/2022 này là Ông Hoàng Tuyên - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### 3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại: Số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

### 4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh Quý IV/2022 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính Quý IV/2022 đính kèm.

### 5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính Quý IV/2022 của Công ty bị phản ánh sai lệch.

### 6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính Quý IV/2022 và đảm bảo Báo cáo tài chính Quý IV/2022 đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính Quý IV/2022 này, Hội đồng Quản trị Công ty được yêu cầu:

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)**

Quý IV/2022

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Quý IV/2022 không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính Quý IV/2022 hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính Quý IV/2022 trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính Quý IV/2022 trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Quý IV/2022 và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính Quý IV/2022 của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính Quý IV/2022 cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2022 và kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)**

Quý IV/2022

**7. Ý kiến của Hội đồng Quản trị**

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính Quý IV/2022 đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Quý IV/2022.

*Thái Nguyên, ngày 17 tháng 01 năm 2023*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**HOÀNG TUYỀN**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>192.480.487.053</b>	<b>193.674.065.461</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>73.783.104.379</b>	<b>133.571.316.553</b>
1. Tiền	111	V.01	73.783.104.379	133.571.316.553
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>103.696.975.984</b>	<b>47.911.598.876</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	15.794.666.638	18.475.858.141
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	87.780.791.902	25.233.769.217
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	121.517.444	4.201.971.518
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>14.604.907.549</b>	<b>11.865.165.891</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.06	14.604.907.549	11.865.165.891
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>395.499.141</b>	<b>325.984.141</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	389.880.691	325.984.141
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	5.618.450	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.201.747.652.145</b>	<b>1.092.245.061.963</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>995.730.788.992</b>	<b>955.568.404.529</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	954.076.221.400	941.106.401.941
- Nguyên giá	222		1.061.272.760.203	1.009.044.436.811
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.196.538.803)	(67.938.034.870)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	41.654.567.592	14.462.002.588
- Nguyên giá	228		45.986.480.000	17.386.480.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.331.912.408)	(2.924.477.412)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.10	<b>35.901.349.486</b>	<b>36.764.162.388</b>
- Nguyên giá	231		37.564.119.824	37.564.119.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.662.770.338)	(799.957.436)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>60.018.953.677</b>	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.07	60.018.953.677	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.02	<b>96.000.000.000</b>	<b>74.700.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		96.000.000.000	74.700.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.096.559.990</b>	<b>25.212.495.046</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	14.096.559.990	25.212.495.046
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.394.228.139.198</b>	<b>1.285.919.127.424</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>472.883.702.720</b>	<b>505.692.547.115</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>283.938.974.421</b>	<b>259.155.426.766</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	15.097.061.786	21.992.139.422
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	3.952.838.585	1.354.380.241
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.245.727.475	1.636.322.856
4. Phải trả người lao động	314		5.028.642.554	4.558.488.274
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	-	937.847.672
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	258.614.704.021	228.676.248.301
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>188.944.728.299</b>	<b>246.537.120.349</b>
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	7.278.181.819	7.518.181.819
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	181.666.546.480	239.018.938.530
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>921.344.436.478</b>	<b>780.226.580.309</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>921.344.436.478</b>	<b>780.226.580.309</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		518.749.980.000	415.000.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		402.594.456.478	365.226.580.309
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		261.476.600.309	222.502.211.307
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		141.117.856.169	142.724.369.002
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.394.228.139.198</b>	<b>1.285.919.127.424</b>

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 01 năm 2023

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**CHỦ TỊCH HĐQT**





**NGUYỄN THU THỦY**

**LÊ THỊ THÚY AN**

**HOÀNG TUYÊN**



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Quý IV/2022

CHI TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý IV/2022	Quý IV/2021	Đơn vị tính: VND	
				Lũy kế đầu năm đến cuối quý này	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 VI.01	125.233.186.472	103.933.714.028	463.262.647.525	412.425.997.419
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>125.233.186.472</b>	<b>103.933.714.028</b>	<b>463.262.647.525</b>	<b>412.425.997.419</b>
4. Giá vốn hàng bán	11 VI.02	65.876.380.269	54.848.302.281	252.955.894.433	201.756.659.500
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>	<b>59.356.806.203</b>	<b>49.085.411.747</b>	<b>210.306.753.092</b>	<b>210.669.337.919</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.03	7.667.458	5.340.042	23.959.439	11.760.972
7. Chi phí tài chính	22 VI.04	7.877.190.073	10.062.436.625	36.571.820.159	42.003.818.929
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	7.877.190.073	9.835.516.625	36.117.980.159	41.096.138.929
8. Chi phí bán hàng	25	-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 VI.05	7.525.484.529	5.381.007.374	28.143.469.952	21.997.444.849
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>43.961.799.059</b>	<b>33.647.307.790</b>	<b>145.615.422.420</b>	<b>146.679.835.113</b>
11. Thu nhập khác	31	6.846.315	183.886.377	273.288.903	200.886.377
12. Chi phí khác	32	-	40.000.000	650.455.000	40.000.000
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>6.846.315</b>	<b>143.886.377</b>	<b>(377.166.097)</b>	<b>160.886.377</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>43.968.645.374</b>	<b>33.791.194.167</b>	<b>145.238.256.323</b>	<b>146.840.721.490</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51 VI.06	1.319.583.566	883.335.964	4.120.400.154	4.116.352.488
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>42.649.061.808</b>	<b>32.907.858.203</b>	<b>141.117.856.169</b>	<b>142.724.369.002</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70 VI.07</b>	<b>822</b>	<b>634</b>	<b>2.720</b>	<b>2.751</b>

Báo cáo tài chính giữa niên độ này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**NGƯỜI LẬP BIỂU**



**NGUYỄN THU THỦY**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**LÊ THỊ THÚY AN**

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 01 năm 2023

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**HOÀNG TUYẾN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

**Năm 2022**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	MS	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>145.238.256.323</b>	<b>146.840.721.490</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	41.528.751.831	32.409.360.458
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(23.959.439)	(11.760.972)
- Chi phí lãi vay	06	36.117.980.159	42.003.818.929
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>222.861.028.874</b>	<b>221.242.139.905</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	6.756.027.127	96.402.223.556
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.739.741.658)	(569.993.111)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(4.150.588.059)	25.713.434.309
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	11.052.038.505	9.577.508.757
- Tiền lãi vay đã trả	14	(37.055.827.831)	(44.805.424.096)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.416.352.488)	(3.009.944.092)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>192.306.584.470</b>	<b>304.549.945.228</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(203.394.299.754)	(152.546.515.635)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(96.000.000.000)	(36.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	74.700.000.000	-
7. Thu lãi tiền gửi	27	23.959.439	11.760.972
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(224.670.340.315)</b>	<b>(188.734.754.663)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	402.322.104.252	214.987.877.835
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(429.746.560.582)	(220.665.749.446)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(27.424.456.330)</b>	<b>(5.677.871.611)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(59.788.212.175)</b>	<b>110.137.318.954</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>133.571.316.554</b>	<b>23.433.997.599</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>73.783.104.379</b>	<b>133.571.316.553</b>

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT





NGUYỄN THU THỦY

LÊ THỊ THÚY AN

HOÀNG TUYỀN

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4601039023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/03/2012 với số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 27.748.000.000 đồng, tương ứng với 2.774.800 cổ phần. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 10/06/2022, với số vốn điều lệ là 518.749.980.000 đồng, tương ứng với 51.874.998 cổ phần.

Hiện nay, Công ty quản lý và cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh tại 02 Bệnh viện là: Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên, địa chỉ tại số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 134/BYT-GPHĐ ngày 27/01/2014); và Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên, địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 261/BYT-GPHĐ ngày 04/12/2019).

Tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc đầu tư dự án Bệnh viện TNH Việt Yên. Ngày 07/04/2022, Công ty đã thành lập Chi nhánh Bệnh viện TNH Việt Yên tại Bắc Giang và bổ nhiệm người đứng đầu Chi nhánh để thay mặt công ty triển khai đầu tư xây dựng dự án và quản lý tài sản, nhân sự, hoạt động của Bệnh viện TNH Việt Yên sau khi dự án đi vào hoạt động (theo Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐQT ngày 07/04/2022). Chi nhánh Bệnh viện TNH Việt Yên tại Bắc Giang đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh lần đầu ngày 17/05/2022.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Hoạt động chính của Công ty là: khám, chữa bệnh.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có trụ sở chính tại: số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

**Đơn vị trực thuộc:**

Công ty có 03 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là:

- Chi nhánh Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên có địa chỉ tại số 328, đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 4601039023 - 001.
- Chi nhánh Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình có địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 4601039023 - 002.

- Chi nhánh Bệnh viện TNH Việt Yên có địa chỉ tại lô đất YT, đường Nguyễn Thế Nho, KDC Nguyễn Thế Nho, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Chi nhánh mã số 4601039023 - 003.

## **2. fCƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính Quý IV/2022 này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/10/2022 và kết thúc vào ngày 31/12/2022.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính Quý IV/2022 này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 của Công ty.

### **4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Quý IV/2022 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng Quản trị Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### **4.3. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính Quý IV/2022 theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **4.4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Thuốc                                    Nhập trước xuất trước
- Vật tư y tế                                Nhập trước xuất trước
- Hóa chất y tế                            Nhập trước xuất trước

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

#### **4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

##### **4.5.1 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý,

nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty tạm tăng nguyên giá tài sản cố định là Tòa nhà Bệnh viện Đa khoa Yên Bình (địa chỉ tại xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên), Tòa nhà Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (địa chỉ tại số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên) khi đưa vào sử dụng, do chưa thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng nên nguyên giá tài sản có thể thay đổi sau khi có quyết toán chính thức.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 06 - 48 năm
- Máy móc thiết bị: 06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 10 - 15 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý: 10 năm

#### **4.5.2 Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Phần mềm máy tính: 08 - 20 năm

#### **4.5.3 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi công ty có khả năng thu được các

lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 42 - 46 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

#### **4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

#### **4.7. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;



- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).
- (iv) Công ty con là công ty mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

**4.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, dụng cụ y tế, vật tư y tế,... Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.9. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính Quý IV/2022 theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**4.10. Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

#### **4.11. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

#### **4.12. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **4.13. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, và các chi phí tài chính khác phát sinh trong kỳ tài chính.

#### **4.14. Thuế**

##### ***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Dịch vụ y tế do Công ty cung cấp không chịu thuế giá trị gia tăng. Các hoạt động khác ngoài dịch vụ y tế chịu thuế suất thuế GTGT là 10%.

##### ***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Thu nhập từ dịch vụ khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (địa chỉ, số 328 Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên) được hưởng ưu đãi với mức thuế suất là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Các

khoản thu nhập ngoài hoạt động khám, chữa bệnh áp dụng mức thuế suất là 20%. Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 thu nhập từ hoạt động khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên đang được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ dịch vụ khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình (địa chỉ, xóm Chùa, xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) được hưởng ưu đãi với mức thuế suất là 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Các khoản thu nhập ngoài hoạt động khám, chữa bệnh áp dụng mức thuế suất là 20%. Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022, thu nhập từ hoạt động khám, chữa bệnh phát sinh tại Bệnh viện Đa Khoa Yên Bình Thái Nguyên đang được miễn thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành: Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập, chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

#### **4.15. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

#### **4.16. Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **4.17. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)** Mẫu số B 09a – DN Quý IV/2022**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ IV/2022****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	154.784.526	3.604.062.125
- Tiền gửi ngân hàng	73.628.319.853	129.967.254.428
<b>Cộng</b>	<b>73.783.104.379</b>	<b>133.571.316.553</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	-	-	-	-
b) Dài hạn	96.000.000.000	-	74.700.000.000	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>96.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>74.700.000.000</b>	<b>-</b>
(i) Công ty CP Bệnh viện Sản Nhi Quốc tế TNH	-	-	43.200.000.000	-
(ii) Công ty CP Bệnh viện Mắt Quốc tế TNH	-	-	31.500.000.000	-
(iii) Công ty CP Bệnh viện TNH Lạng Sơn	96.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>96.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>74.700.000.000</b>	<b>-</b>

**Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty liên kết:**

(i) Công ty CP Bệnh viện Sản Nhi Quốc tế TNH được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 4601569359, đăng ký lần đầu ngày 30/12/2020. Vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 90.000.000.000 đồng (tương ứng với 9.000.000 cổ phần), trong đó Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nắm giữ 48% vốn điều lệ. Trong quý IV/2022, HĐQT Công ty đã quyết định giải thể Công ty CP Bệnh viện Sản nhi Quốc tế và đã thu hồi toàn bộ phần vốn góp tại đây.

(ii) Công ty CP Bệnh viện Mắt Quốc tế TNH được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 4601569341, đăng ký lần đầu ngày 30/12/2020. Vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 70.000.000.000 đồng (tương ứng với 7.000.000 cổ phần), trong đó Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nắm giữ 45% vốn điều lệ. Trong quý IV/2022, HĐQT Công ty đã quyết định giải thể Công ty CP Bệnh viện Mắt Quốc tế TNH và đã thu hồi toàn bộ phần vốn góp tại đây.

(iii) Công ty CP Bệnh viện TNH Lạng Sơn được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 4900891500, đăng ký lần đầu ngày 22/12/2022. Vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 200.000.000.000 đồng (tương ứng với

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)** Mẫu số B 09a – DN  
Quý IV/2022

20.000.000 cổ phần), trong đó Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên nắm giữ 48% vốn điều lệ.

**5.3. Phải thu khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	(VND)	(VND)
	Giá trị	Giá trị
<b>Ngắn hạn</b>	<b>15.838.486.638</b>	<b>18.475.858.141</b>
Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên	14.883.544.387	16.131.662.532
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	186.703.200	-
Công ty TNHH Glonics Việt Nam	164.240.000	358.974.000
Bảo hiểm Insmart	99.524.416	-
Chi nhánh Thái Nguyên- Công ty CP Dịch vụ TM tổng hợp Vincommerce	62.970.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tam Phát	-	450.000.000
Công ty TNHH WIHA Việt Nam	-	729.291.620
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên	-	244.908.000
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân Thọ	-	63.819.000
Công ty TNHH Mani Hà Nội	-	268.728.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	441.504.635	228.474.989
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>15.838.486.638</b>	<b>18.475.858.141</b>

**5.4 Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	(VND)	(VND)
	Giá trị	Giá trị
<b>Ngắn hạn</b>	<b>87.780.791.902</b>	<b>25.233.769.217</b>
Công ty TNHH xây dựng thương mại Đông Nam	78.992.798.868	-
Công ty TNHH Xuân Thủy (*)	-	21.577.211.104
Văn phòng Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ Xây dựng - Đại học Kiến trúc Hà Nội	3.192.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Blue Mount	1.368.000.000	-
Công ty TNHH thương mại - kỹ thuật Vimetech	3.208.500.000	3.208.500.000
Các nhà cung cấp khác	1.019.493.034	448.058.113
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>87.780.791.902</b>	<b>25.233.769.217</b>

(\*) Trả trước cho người bán là các bên liên quan (xem thuyết minh 7.2)..

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a – DN

Quý IV/2022

**5.5 Phải thu khác**

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>121.517.444</b>	-	<b>4.201.971.518</b>	-
- Tạm ứng	80.000.000	-	4.014.876.551	-
- Bảo hiểm xã hội	41.517.444	-	187.094.967	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>121.517.444</b>	-	<b>4.201.971.518</b>	-

**5.6 Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thuốc, vật tư y tế, hóa chất y tế	14.604.907.549	-	11.865.165.891	-
<b>Cộng</b>	<b>14.604.907.549</b>	-	<b>11.865.165.891</b>	-

**5.7 Chi phí xây dựng cơ bản**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản:	60.018.953.677	-
<i>Dự án đầu tư, xây dựng bệnh viện TNH Lạng Sơn</i>	54.050.000.000	-
<i>Dự án đầu tư, xây dựng bệnh viện Việt Yên</i>	5.968.953.677	-
<b>Cộng</b>	<b>60.018.953.677</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Quý IV/2022

Mẫu số B 09a – DN

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Nội Dung	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, trang thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dân (VND)	Thiết bị văn phòng (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2022	834.000.427.322	164.732.518.205	9.980.776.684	330.714.600	1.009.044.436.811
- Mua trong năm	-	4.235.315.770	112.849.200	-	4.348.164.970
- Đầu tư XDCB hoàn thành	47.880.158.422	-	-	-	47.880.158.422
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	881.880.585.744	168.967.833.975	10.093.625.884	330.714.600	1.061.272.760.203
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2022	36.383.840.825	28.989.532.407	2.490.716.783	73.944.855	67.938.034.870
- Khấu hao trong năm	26.707.920.770	11.649.170.922	865.590.783	35.821.460	39.258.503.935
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	63.091.761.595	40.638.703.329	3.356.307.566	109.766.315	107.196.538.805
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2022	797.616.586.497	135.742.985.798	7.490.059.901	256.769.745	941.106.401.941
Số dư tại ngày 31/12/2022	818.788.824.149	128.329.130.646	6.737.318.318	220.948.285	954.076.221.398

**Trong đó:**

Nguyên giá tài sản thế chấp các khoản vay là:

881.175.078.570 đồng

GTCL tài sản thế chấp các khoản vay là:

865.242.478.643 đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a – DN

Quý IV/2022

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2022	-	17.386.480.000	17.386.480.000
- Tăng trong năm	28.250.000.000	350.000.000	28.600.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2022	28.250.000.000	17.736.480.000	45.986.480.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2022	-	2.924.477.412	2.924.477.412
- Khấu hao trong năm	-	1.407.434.996	1.407.434.996
Số dư tại ngày 31/12/2022	-	4.331.912.408	4.331.912.408
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2022	-	14.462.002.588	14.462.002.588
Tại ngày 31/12/2022	28.250.000.000	13.404.567.592	41.654.567.592

(\*) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được UBND tỉnh Bắc Giang cấp ngày 28/06/2022 (Quyền sử dụng đất lô đất YT thuộc khu dân cư đường Nguyễn Thế Nho, trị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang).

**5.10 Bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Tổng cộng (VND)
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2022	37.564.119.824	37.564.119.824
Số dư tại ngày 31/12/2022	37.564.119.824	37.564.119.824
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2022	799.957.436	799.957.436
- Khấu hao trong năm	862.812.902	862.812.902
Số dư tại ngày 31/12/2022	1.662.770.338	1.662.770.338
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2022	36.764.162.388	36.764.162.388
Tại ngày 31/12/2022	35.901.349.486	35.901.349.486

**5.11 Chi phí trả trước**

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
a) Ngắn hạn	389.880.691	325.984.141
Công cụ, dụng cụ	389.880.691	325.984.141
b) Dài hạn	14.096.559.990	25.212.495.046
Công cụ, dụng cụ	14.096.559.990	25.212.495.046
<b>Cộng</b>	<b>14.486.440.681</b>	<b>25.538.479.187</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Quý IV/2022

Mẫu số B 09a – DN

**5.12 Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm		Số cuối năm
	(VND)			(VND)		
	Giá trị	Khả năng trả nợ		Giá trị	Khả năng trả nợ	
<b>a) Gốc vay ngắn hạn</b>	<b>70.187.914.221</b>	<b>70.187.914.221</b>	<b>331.041.693.436</b>	<b>208.230.903.636</b>	<b>192.998.704.021</b>	<b>192.998.704.021</b>
(i) NH Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - CN Thái Nguyên	59.810.529.123	59.810.529.123	71.969.499.575	98.493.498.203	33.286.530.495	33.286.530.495
(ii) Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	4.928.646.341	4.928.646.341	-	4.928.646.341	-	-
(iii) Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	5.448.738.757	5.448.738.757	167.052.193.861	104.808.759.092	67.692.173.526	67.692.173.526
(iv)) Vay cá nhân (*)	-	-	92.020.000.000	-	92.020.000.000	92.020.000.000
<b>b) Gốc vay dài hạn</b>	<b>305.497.792.610</b>	<b>305.497.792.610</b>	<b>71.280.410.816</b>	<b>129.495.656.946</b>	<b>247.282.546.480</b>	<b>247.282.546.480</b>
(v) Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	184.000.000.000	184.000.000.000	70.547.410.816	36.250.000.000	218.297.410.816	218.297.410.816
(vi) Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	16.839.935.664	16.839.935.664	-	5.616.000.000	11.223.935.664	11.223.935.664
(vii) Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thái Nguyên	138.000.000	138.000.000	-	138.000.000	-	-
(viii) Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	85.979.656.946	85.979.656.946	-	85.979.656.946	-	-
(ix) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thái Nguyên	18.540.200.000	18.540.200.000	733.000.000	1.512.000.000	17.761.200.000	17.761.200.000
<b>c) Nợ dài hạn</b>	<b>92.009.480.000</b>	<b>92.009.480.000</b>	<b>453.840.000</b>	<b>92.463.320.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
(x) Trái phiếu	92.009.480.000	92.009.480.000	453.840.000	92.463.320.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>467.695.186.831</b>	<b>467.695.186.831</b>	<b>402.775.944.252</b>	<b>430.189.880.582</b>	<b>440.281.250.501</b>	<b>440.281.250.501</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09a – DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Quý IV/2022

**5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

**c) Phân loại vay dài hạn đến hạn trả**

	Số đầu năm (VND)		Số cuối năm (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thái Nguyên	138.000.000	138.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	32.000.000.000	32.000.000.000	56.000.000.000	56.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thái Nguyên	5.616.000.000	5.616.000.000	5.616.000.000	5.616.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	26.455.279.080	26.455.279.080	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	2.269.575.000	2.269.575.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Trái phiếu đến hạn trả	92.009.480.000	92.009.480.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>158.488.334.080</b>	<b>158.488.334.080</b>	<b>65.616.000.000</b>	<b>65.616.000.000</b>
<b>d) Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính</b>				
d1 Vay ngắn hạn (d1 = a+c)	228.676.248.301	228.676.248.301	258.614.704.021	258.614.704.021
d2 Vay dài hạn (d2 = b-c)	239.018.938.530	239.018.938.530	181.666.546.480	181.666.546.480
<b>Cộng</b>	<b>467.695.186.831</b>	<b>467.695.186.831</b>	<b>440.281.250.501</b>	<b>440.281.250.501</b>

(\*) Vay cá nhân là bên liên quan (xem thuyết minh 7.2)

(i) Hợp đồng tín dụng số 8500-LAV202200031 ngày 07/02/2022 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng 60.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động Y tế khám chữa bệnh. Thời hạn hiệu lực mức cấp tín dụng đến hết ngày 07/01/2023, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ tại thời điểm rút vốn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Quý IV/2022

Mẫu số B 09a – DN

**5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 01/2022/5745705/HĐTD ngày 07/07/2022. Hạn mức vay: 80.000.000.000 VND. Mục đích khoản vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 07/07/2023. Thời hạn cho vay, lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể theo Hợp đồng tín dụng cụ thể.

(iii) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/5745705/HĐTD ngày 26/8/2019. Hạn mức vay: 200.000.000.000 VND. Mục đích khoản vay: Đầu tư xây dựng Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II. Thời hạn vay: 96 tháng. Lãi suất cho vay trong 12 tháng đầu tiên là 8,2%/năm, 12 tháng tiếp theo là: 8,3%/năm; lãi suất vay thời gian còn lại được thả nổi theo công thức quy định trong hợp đồng vay. Tài sản bảo đảm: Toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên giai đoạn II và các tài sản khác của Công ty phục vụ vận hành dự án.

Và hợp đồng cho vay cấp tín dụng số 02/2022/5745705/SĐBS ngày 10/08/2022 và sửa đổi ngày 31/12/2022 với ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Thái Nguyên. Hạn mức vay: 72.750.000.000 đồng. Mục đích khoản vay: Cho vay trả nợ trước hạn Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên giai đoạn I. Thời hạn vay: 20/03/2025. Lãi suất cho vay 12 tháng đầu tiên từ khi giải ngân: 6.2%/năm. Thời gian còn lại lãi suất vay được áp dụng theo phương thức thả nổi theo công thứ quy định trong hợp đồng. Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư là dự án Bệnh viện đa khoa Yên Bình Thái Nguyên.

(iv) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng cho vay số: 5956.19.093.1699479.TD ngày 05/3/2019. Hạn mức 35.000.000.000 VND. Mục đích vay: Thanh toán mua máy móc thiết bị phục vụ hoạt động khám chữa bệnh của Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên. Thời hạn vay tối đa 72 tháng. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản bảo đảm được quy định tại Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị hình thành trong tương lai số: 6113.19.093.1699479.BĐ.

(v) Hợp đồng cấp tín dụng số 8500-LAV-201700745 ngày 14/08/2017 với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thái Nguyên. Hạn mức tín dụng 700.000.000 VND. Mục đích vay để đầu tư mua Hệ thống máy siêu âm 4 chiều. Thời hạn cho vay: 60 tháng. Lãi suất thả nổi, xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại Agribank Thái Nguyên công bố tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm biên độ 3,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Quý IV/2022

Mẫu số B 09a – DN

#### 5.12 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

- (vi) Hợp đồng cho vay cấp tín dụng số 171/21/HĐTD/TN ngày 10/06/2021 và Hợp đồng sửa đổi ngày 20 tháng 09 năm 2021 với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh Thái Nguyên: Hạn mức tín dụng 19.634.000.000 VND, theo phương thức cho vay từng lần. Mục đích sử dụng khoản cấp tín dụng, lãi suất và thời hạn cho vay được quy định cụ thể trong các hợp đồng cho vay từng lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp: Số dư trên tài khoản thanh toán số 1015012758, Hệ thống chụp hưởng từ MAGNETOM Sempra 1.5 Tesla và phần mềm chụp kết nối phần mềm bệnh viện, một máy gây mê kèm thờ có tính năng hy động phế nang và theo dõi khí mê Carestation 650 theo hợp đồng thế chấp số 188/21/HĐTC/TN, Hệ thống phẫu thuật nội soi full HD 1 chip và bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Công ty.
- (vii) Vay ngắn hạn cá nhân là bên liên quan (xem thuyết minh 7.2) theo các hợp đồng:
- Khoản vay tín chấp của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên với bên cho vay là ông Hoàng Tuyên theo hợp đồng vay số 01/CTCP/HĐV-TNH ngày 29 tháng 08 năm 2022 số tiền vay 35.620.000.000 đồng, Mục đích vay để đảo hạn trái phiếu và các mục đích hợp pháp khác (nếu có), thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là 5,45%.
  - Khoản vay tín chấp của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên với bên cho vay là ông Lê Xuân Tân theo hợp đồng vay số 02/CTCP/HĐV-TNH ngày 29 tháng 08 năm 2022 số tiền vay 11.400.000.000 đồng, Mục đích vay để đảo hạn trái phiếu và các mục đích hợp pháp khác (nếu có), thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là 5,45%.
  - Khoản vay tín chấp của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên với bên cho vay là ông Nguyễn Xuân Đôn theo hợp đồng vay số 03/CTCP/HĐV-TNH ngày 29 tháng 08 năm 2022 số tiền vay 10.000.000.000 đồng, Mục đích vay để đảo hạn trái phiếu và các mục đích hợp pháp khác (nếu có), thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là 5,45%.
  - Khoản vay tín chấp của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên với bên cho vay là ông Nguyễn Văn Thủy theo hợp đồng vay số 04/CTCP/HĐV-TNH ngày 29 tháng 08 năm 2022 số tiền vay 35.000.000.000 đồng, Mục đích vay để đảo hạn trái phiếu và các mục đích hợp pháp khác (nếu có), thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là 5,45%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) Mẫu số B 09a – DN**  
Quý IV/2022**5.13. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>15.140.881.786</b>	<b>15.140.881.786</b>	<b>21.992.139.422</b>	<b>21.992.139.422</b>
Công ty Cổ phần Dược Phẩm và Thiết bị y tế Á Châu	853.843.442	853.843.442	3.609.478.820	3.609.478.820
Hộ kinh doanh TBYT Việt Hà - Phan Thị Chung	3.150.000.000	3.150.000.000	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty CP đầu tư phát triển ACT Việt Nam	2.070.836.297	2.070.836.297	6.275.634.830	6.275.634.830
Các nhà cung cấp khác	9.066.202.047	9.066.202.047	8.957.025.772	8.957.025.772
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.140.881.786</b>	<b>15.140.881.786</b>	<b>21.992.139.422</b>	<b>21.992.139.422</b>

**5.14 Người mua trả tiền trước**

	Số cuối năm (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.952.838.585</b>	<b>3.952.838.585</b>	<b>1.354.380.241</b>	<b>1.354.380.241</b>
Bệnh nhân trả trước	3.903.596.585	3.903.596.585	1.304.918.241	1.304.918.241
Công ty cổ phần DongWha Việt Nam	49.242.000	49.242.000	49.462.000	49.462.000
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.952.838.585</b>	<b>3.952.838.585</b>	<b>1.354.380.241</b>	<b>1.354.380.241</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYỄN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Mẫu số B 09a – DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Quý IV/2022

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Thuế phải thu</b>				
- Thuế GTGT	-	102.681.857	97.063.407	5.618.450
<b>Cộng</b>	-	<b>102.681.857</b>	<b>97.063.407</b>	<b>5.618.450</b>
<b>Thuế phải nộp</b>				
- Thuế GTGT hàng bán ra	32.418.923	-	32.418.923	-
- Thuế TNDN	1.412.569.353	4.120.400.154	4.416.352.488	1.116.617.019
- Thuế thu nhập cá nhân	191.334.580	2.716.877.645	2.779.101.769	129.110.456
- Các khoản phải nộp khác	-	153.656.775	153.656.775	-
<b>Cộng</b>	<b>1.636.322.856</b>	<b>6.990.934.574</b>	<b>7.381.529.955</b>	<b>1.245.727.475</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế (kể từ khi đi vào hoạt động đến thời điểm kết thúc kỳ tài chính Quý IV/2022 này, Công ty chưa được Cơ quan thuế thực hiện quyết toán thuế). Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính Quý IV/2022 có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Mẫu số B 09a – DN

Quý IV/2022

**5.16 Chi phí phải trả**

	31/12/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	-	937.847.672
Chi phí lãi vay	-	937.847.672
b) Dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>937.847.672</b>

**5.17 Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2022	01/01/2022
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	7.278.181.819	7.518.181.819
Doanh thu cho thuê mặt bằng	7.278.181.819	7.518.181.819
<b>Cộng</b>	<b>7.278.181.819</b>	<b>7.518.181.819</b>

**5.18 Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	LNST chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2021	415.000.000.000	222.502.211.307	637.502.211.307
Lãi trong năm trước	-	142.724.369.002	142.724.369.002
Số dư tại ngày 01/01/2022	415.000.000.000	365.226.580.309	780.226.580.309
Tăng vốn trong năm nay	103.749.980.000	-	103.749.980.000
Lãi trong năm nay	-	141.117.856.169	141.117.856.169
Phân phối lợi nhuận	-	(103.749.980.000)	(103.749.980.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>518.749.980.000</b>	<b>402.594.456.478</b>	<b>921.344.436.478</b>

*Cổ phiếu*

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng CP đăng ký phát hành	51.874.998	41.500.000
Số lượng CP đã bán ra công chúng	51.874.998	41.500.000
Cổ phiếu phổ thông	51.874.998	41.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>51.874.998</b>	<b>41.500.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	51.874.998	41.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) Mẫu số B 09a – DN Quý IV/2022**

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý IV/2022 (VND)	Quý IV/2021 (VND)
Doanh thu dịch vụ khám chữa bệnh	124.726.257.378	103.442.240.667
Doanh thu dịch vụ khác	506.929.094	491.473.361
<b>Cộng</b>	<b>125.233.186.472</b>	<b>103.933.714.028</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Quý IV/2022 (VND)	Quý IV/2021 (VND)
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	65.876.380.269	54.848.302.281
<b>Cộng</b>	<b>65.876.380.269</b>	<b>54.848.302.281</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý IV/2022 (VND)	Quý IV/2021 (VND)
- Lãi tiền gửi ngân hàng	7.667.458	5.340.042
<b>Cộng</b>	<b>7.667.458</b>	<b>5.340.042</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Quý IV/2022 (VND)	Quý IV/2021 (VND)
- Lãi tiền vay	7.877.190.073	9.835.516.625
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	226.920.000
<b>Cộng</b>	<b>7.877.190.073</b>	<b>10.062.436.625</b>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý IV/2022 (VND)	Quý IV/2021 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	4.636.273.091	3.511.535.980
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý khác	2.889.211.438	1.869.471.394
<b>Cộng</b>	<b>7.525.484.529</b>	<b>5.381.007.374</b>

**6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Quý IV/2022 (VND)	Quý IV/2021 (VND)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.319.583.566	883.335.964
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.319.583.566</b>	<b>883.335.964</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)** Mẫu số B 09a – DN  
Quý IV/2022**6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Quý IV/2022 VND	Quý IV/2021 VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	42.649.061.808	32.907.858.203
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	42.649.061.808	32.907.858.203
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	51.874.998	51.874.998
<b>- Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>822</b>	<b>634</b>

**7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****7.1 Báo cáo bộ phận**

Trong Quý IV/2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ là dịch vụ khám, chữa bệnh, do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong Quý IV/2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ tài chính này chỉ diễn ra trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

**7.2 Thông tin về các bên có liên quan**Các bên liên quan:

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch mua các bên liên quan phát sinh bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 31/12/2022:

	Mối quan hệ	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
+ Mua của Công ty TNHH Xuân Thủy	Cùng thành viên lãnh đạo	-	4.614.385.123
+ Vay của ông Hoàng Tuyên	Chủ tịch HĐQT	35.620.000.000	-
+ Lãi vay trả ông Hoàng Tuyên	Chủ tịch HĐQT	597.923.233	-
+ Vay của ông Lê Xuân Tân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	11.400.000.000	-
+ Lãi vay trả ông Lê Xuân Tân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	190.645.479	-
+ Vay của ông Nguyễn Văn Thủy	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	35.000.000.000	-
+ Lãi vay trả ông Nguyễn Văn Thủy	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	590.541.096	-
+ Vay của ông Nguyễn Xuân Đôn	Ủy viên HĐQT	10.000.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)** Mẫu số B 09a – DN  
Quý IV/2022

+ Lãi vay trả ông Nguyễn Xuân Đôn	Ủy viên HĐQT	167.232.877	-
<b>Cộng</b>		<b>93.566.342.685</b>	<b>4.614.385.123</b>

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2022:

**Trả trước cho người bán bên liên quan:**

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Công ty TNHH Xuân Thủy	-	40.593.696.803
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>40.593.696.803</b>

**Vay ngắn hạn cá nhân bên liên quan:**

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Ông Hoàng Tuyên	35.620.000.000	-
Ông Lê Xuân Tân	11.400.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Thủy	35.000.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Đôn	10.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>92.020.000.000</b>	<b>-</b>

**7.3 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Đến ngày lập báo cáo Quý IV/2022 này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính Quý IV/2022 của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**7.4 Thông tin so sánh**

Số liệu được dùng để so sánh trên Bảng cân đối kế toán Quý IV/2022 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu để so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý IV/2022 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý IV/2022 là số liệu trên Báo cáo tài chính Quý IV/2021 do Công ty tự lập.

Để đảm bảo tính so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” được trình bày lại tương ứng với số cổ phiếu của Công ty lưu hành đến thời điểm 31/12/2022.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN**

Số 328 đường Lương Ngọc Quyến, phường Đồng Quang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) Mẫu số B 09a – DN Quý IV/2022**

Chi tiết như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (đơn vị tính: VND):

Chỉ tiêu	BCTC Quý IV/2021	Số điều chỉnh để trình bày lại (139)	BCTC Quý IV/2021 (Được trình bày lại) 634
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	773		

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THU THỦY

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THỊ THÚY AN



HOÀNG TUYẾN